



Lù Hé

潞河

noun · Lu River (a river in northern China)

Example Sentence

Lù Hé shì Huá běi dì qū de yī tiáo zhòng yào hé liú.
潞河是华北地区的一条重要河流。

The Lu River is an important river in northern China.

Trace each character, then write the word on your own.

潞	潞	潞	潞	潞	潞	潞	潞	潞	潞	潞
潞	潞	潞	潞	潞	潞	潞	潞			

河	河	河	河	河	河	河	河	河	河	河
